

MỐI QUAN HỆ GIỮA CƠ QUAN ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT TRONG VIỆC ÁP DỤNG, THAY ĐỔI, HỦY BỎ BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG* - HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC** - PHAN THỊ THU LÊ***

Tóm tắt: Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra (CQĐT) và Viện kiểm sát (VKS) trong tố tụng hình sự (TTHS) Việt Nam là biểu hiện sự phân công, kiểm soát quyền lực trong mô hình TTHS Việt Nam. Bài viết làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn mối quan hệ giữa hai cơ quan này trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn (BPNC) trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả mối quan hệ giữa hai cơ quan trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự.

Từ khóa: Phối hợp - chế ước; biện pháp ngăn chặn; Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát; giai đoạn khởi tố

Ngày nhận bài: 21/7/2025; Biên tập xong: 25/12/2025; Duyệt đăng: 15/01/2026

THE RELATIONSHIP BETWEEN INVESTIGATIVE AGENCY AND THE PEOPLE'S PROCURACY IN THE APPLICATION, MODIFICATION, AND REVOCATION OF PREVENTIVE MEASURES DURING THE INITIATION STAGE OF CRIMINAL CASES

Abstract: The relationship between Investigative Agency and the People's Procuracy in Vietnam's criminal procedure reflects the division of functions, the mechanism of power control, and the model of Vietnam's criminal justice system. This article focuses on clarifying several theoretical and practical issues concerning the relationship between these two bodies in the application, modification, and revocation of preventive measures during the stage of initiating a criminal case, identifies existing shortcomings and limitations, and thereby proposes solutions to enhance the effectiveness of their relationship in applying, modifying, and revoking preventive measures at the stage of initiating criminal cases.

Keywords: Coordination - Restriction; preventive measures; Investigative Agency; the People's Procuracy; the initiation stage

Received: Jul 21, 2025; Editing completed: Dec 25, 2025; Accepted for publication: Jan 15, 2026

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc tăng cường cơ chế kiểm soát quyền lực tư pháp và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng là yêu cầu cấp thiết. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã nhấn mạnh nhiệm vụ "Phân định rành mạch chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; nâng cao hiệu quả phối hợp, kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan trong hoạt động tư pháp; bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm". CQĐT và VKS có mối quan hệ tố tụng mật thiết ngay từ những giai đoạn đầu của quá trình tố tụng,

trong đó có việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự. Ở giai đoạn khởi tố, khi ranh giới giữa yêu cầu phòng ngừa tội phạm và nguy cơ xâm phạm quyền con người đặc biệt mong manh, mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC chính là cơ chế bảo đảm để quyền lực nhà nước được vận hành trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời chịu sự kiểm soát và gắn với trách nhiệm. Hiệu quả của cơ chế này không chỉ được đo bằng số lượng BPNC được áp dụng hay bị

* Email: Nguyenphuongdnhkshn@gmail.com

Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh, Khoa Pháp luật hình sự và Kiểm sát hình sự, Trường Đại học Kiểm sát

** Email: Ngochoanguk94@gmail.com

Tiến sĩ, Khoa Pháp luật hình sự và Kiểm sát hình sự, Trường Đại học Kiểm sát

*** Email: Phanthule81@gmail.com

Tiến sĩ, nguyên Giảng viên Khoa Pháp luật hình sự và Kiểm sát hình sự, Trường Đại học Kiểm sát

hủy bỏ đúng pháp luật, mà quan trọng hơn là ở mức độ bảo đảm nguyên tắc chỉ áp dụng BPNC khi có căn cứ, cần thiết và nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ quyền con người trong TTHS. Việc tiếp tục nhận thức đúng, thực hiện đầy đủ và thực chất mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong TTHS nói chung, áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự nói riêng là yêu cầu mang tính nền tảng của cải cách tư pháp, góp phần xây dựng một nền tư pháp hình sự công bằng, thận trọng và lấy bảo vệ quyền con người làm giá trị trung tâm.

1. Khái niệm, đặc điểm mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

BPNC là những biện pháp tố tụng có tính chất can thiệp, tác động đến quyền con người của đối tượng bị áp dụng trong một thời gian nhất định như quyền tự do thân thể, quyền tự do đi lại, quyền sở hữu tài sản¹. Cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng BPNC nhằm ngăn chặn việc người đó bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án hình sự, hoặc để bảo đảm thi hành án. Giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng, trong giai đoạn này CQĐT có trách nhiệm chính trong việc tiếp nhận, giải quyết thông tin về tội phạm, ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự, VKS thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm².

Trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, CQĐT có thể áp dụng một số BPNC đối với người bị buộc tội như: Giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm hoãn xuất cảnh, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang. Việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn

khởi tố của CQĐT và VKS luôn đòi hỏi mối quan hệ phối hợp và chế ước nhằm ngăn chặn tội phạm, hạn chế việc người bị buộc tội gây khó khăn, cản trở cho hoạt động kiểm tra, xác minh của cơ quan tiến hành tố tụng, mặt khác góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân của người bị buộc tội. CQĐT có sự chủ động trong việc đề xuất áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC; VKS giữ vai trò thực hành quyền công tố, kiểm sát tính hợp pháp, tính có căn cứ của các đề xuất này. Quá trình thực hiện mối quan hệ tố tụng này cũng đòi hỏi mỗi chủ thể phải sử dụng đúng và linh hoạt hai yếu tố phối hợp và chế ước, đặc biệt đối với VKS. VKS nếu chỉ phối hợp mà không chế ước sẽ dẫn đến tình trạng nể nang, lệ thuộc CQĐT, oan sai, bỏ lọt tội phạm hoặc kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Ngược lại, nếu VKS chỉ chế ước mà không phối hợp sẽ gây ra hiện tượng đối đầu, gây tâm lý e ngại, thiếu thiện chí trong phối hợp giữa hai cơ quan. Cả hai xu hướng cực đoan này đều làm suy giảm chất lượng, hiệu quả giải quyết vụ án hình sự, gây ảnh hưởng đến việc xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong khoa học pháp lý, có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm mối quan hệ giữa CQĐT và VKS. Có quan điểm cho rằng, đây là mối quan hệ phối hợp chức năng giữa hai cơ quan trong cùng một hệ thống TTHS, trong đó CQĐT giữ vai trò chủ thể tiến hành các hoạt động điều tra trực tiếp, còn VKS cùng tham gia với tư cách là cơ quan giám sát, bảo đảm cho quá trình điều tra được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Ở góc nhìn này, yếu tố phối hợp được đề cao nhằm bảo đảm sự thống nhất về mặt nghiệp vụ và hiệu quả thu thập chứng cứ. Từ đó có thể thấy, phối hợp và chế ước không tồn tại tách biệt mà gắn bó chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau. Phối hợp giúp hoạt động điều tra hiệu quả, kịp thời; chế ước bảo đảm mọi hoạt động điều tra được tiến hành hợp pháp, có kiểm soát. Chính sự đan xen này đã làm nên bản chất đặc thù của mối quan hệ giữa CQĐT và VKS, thể hiện sự cân bằng giữa hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo đảm pháp chế xã hội chủ

¹ Bùi, T. H. (2024). Hoàn thiện chính sách pháp luật TTHS về BPNC, biện pháp cưỡng chế trong nền tư pháp công bằng, nghiêm minh. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc phục vụ nhân dân trong bối cảnh hiện nay*. Tập 1. tr. 130.

² Trường Đại học Kiểm sát (2016). *Giáo trình Luật TTHS*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật.

nghĩa³. Ngược lại, một số ý kiến khác lại nhấn mạnh rằng mối quan hệ này chủ yếu mang tính chế ước quyền lực. Theo đó, VKS không đơn thuần “phối hợp” mà thực chất là kiểm soát hoạt động điều tra thông qua cơ chế phê chuẩn, hủy bỏ hoặc yêu cầu thay đổi các quyết định tố tụng quan trọng như khởi tố, bắt, giam, khám xét, đình chỉ điều tra. Cách tiếp cận này nhấn mạnh vai trò trung tâm của VKS trong việc ngăn ngừa sự lạm quyền và bảo vệ quyền con người trong TTHS⁴. Bên cạnh đó, cũng có quan điểm dung hòa, cho rằng bản chất của mối quan hệ này là sự kết hợp giữa phối hợp và chế ước, trong đó phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả điều tra, còn chế ước nhằm bảo đảm tính hợp pháp và khách quan. Điều này cho thấy việc nhận thức khái niệm và bản chất mối quan hệ vẫn chưa thật sự thống nhất và cần được nghiên cứu, hoàn thiện cả về lý luận lẫn pháp luật thực định⁵.

Trên cơ sở các quan điểm trên, nghiên cứu mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, nhóm tác giả cho rằng mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự được hiểu là *mối quan hệ TTHS mang tính phối hợp và chế ước dựa trên cơ sở nguyên tắc của TTHS, chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan nhằm bảo đảm việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, không xâm phạm quyền con người, quyền công dân, đồng thời góp phần phát hiện và khắc phục kịp thời các sai phạm tố tụng có thể xảy ra*.

Từ đó, có thể rút ra đặc điểm mối quan hệ này trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố như sau:

³ Đào, A. T. (2018). *Mối quan hệ tố tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong TTHS Việt Nam hiện nay* [Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam].

⁴ Nguyễn, V. Đ. (2015). *Mối quan hệ giữa VKS và CQĐT trong tố tụng hình sự Việt Nam* [Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội].

⁵ Trần, T. T. H. (2019). *Mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An* [Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội].

Thứ nhất, về phạm vi, mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố có thể được hình thành từ khi tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm đến khi CQĐT ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Mối quan hệ giữa hai chủ thể khi áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC mang đặc thù của TTHS, không phải mối quan hệ hành chính, nội vụ, kỷ luật. Mối quan hệ này chỉ xuất hiện trong việc giải quyết vụ án hình sự, nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn chặn việc người bị buộc tội có thể gây khó khăn cho quá trình kiểm tra, xác minh sự việc có dấu hiệu tội phạm.

Thứ hai, về chủ thể mối quan hệ là CQĐT và VKS, hai cơ quan tiến hành tố tụng trong TTHS, mặc dù được giao chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhưng cùng thực hiện nhiệm vụ chung của TTHS.

Thứ ba, cơ sở của mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố xuất phát từ nguyên tắc TTHS, chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan trong TTHS.

Thứ tư, nội dung, hình thức mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC mang tính chất phối hợp - chế ước. Nội dung này sẽ được làm rõ trong mục 2. dưới đây.

Thứ năm, hình thức và cơ chế thực hiện mối quan hệ giữa CQĐT và VKS. Hình thức thực hiện mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC có thể được thể hiện mang tính thường xuyên và tính theo từng vụ việc cụ thể phù hợp với các hoạt động tố tụng trong giai đoạn khởi tố.

2. Nội dung, hình thức mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

Thứ nhất, nội dung mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự.

Trong TTHS không có quy định nào trực tiếp định nghĩa hay mô tả về hình thức và nội dung của mối quan hệ giữa CQĐT và VKS

trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, có thể căn cứ các quy định Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025 và các văn bản hướng dẫn để xác định nội dung và hình thức của mối quan hệ này, thể hiện ở quan hệ phối hợp và quan hệ chế ước.

Quan hệ phối hợp được thể hiện chủ yếu qua sự trao đổi thông tin giữa CQĐT và VKS, việc nghiên cứu hồ sơ, xét phê chuẩn, giám sát và cùng thực hiện biện pháp, đảm bảo việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC có căn cứ, đúng pháp luật, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị áp dụng hay nói cách khác quan hệ phối hợp biểu hiện, rõ ràng về quyền, trách nhiệm của mỗi cơ quan, nhằm bảo đảm việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC đúng pháp luật. Cụ thể: CQĐT có thể tự mình hoặc đề xuất áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các BPNC nhưng phải thông báo kịp thời và đầy đủ cho VKS có thẩm quyền để kiểm sát tính có căn cứ, tính hợp pháp của việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC. Riêng một số BPNC như gia hạn tạm giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp CQĐT phải chuyển hồ sơ sang cho VKS để xét phê chuẩn. Nếu tài liệu đủ căn cứ phê chuẩn thì VKS phê chuẩn và gửi sang cho CQĐT thực hiện và ngược lại.

Quan hệ chế ước trong TTHS là sự kiểm chế, kiểm soát lẫn nhau giữa VKS và CQĐT trong TTHS nhằm bảo đảm tính hợp pháp, khách quan, công bằng, ngăn ngừa lạm quyền và bảo vệ quyền con người. Đối tượng chế ước chủ yếu là các quyết định, hành vi tố tụng liên quan đến áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC. Trong quan hệ này, mức độ và phạm vi chế ước của VKS rõ ràng, đầy đủ và có hiệu lực cao hơn so với CQĐT. VKS được trao quyền kiểm tra, giám sát, yêu cầu, hủy bỏ, phê chuẩn/không phê chuẩn các quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trái pháp luật của CQĐT. Trong khi đó, CQĐT chỉ có thể kiến nghị, phản biện hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền khi không đồng ý với quyết định của VKS, chứ không có quyền trực tiếp hủy bỏ hay buộc VKS phải chấp hành. Theo

tác giả, trên cơ sở quy định của BLTTHS hiện hành, trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố thì quyền chế ước thuộc về VKS. Cụ thể:

Một là, quyền áp dụng BPNC của CQĐT bị giới hạn rõ ràng mặc dù CQĐT có quyền tự mình ra Lệnh, Quyết định áp dụng, thay đổi BPNC nhưng quyền này không tuyệt đối mà bị ràng buộc bởi hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của VKS. Ví dụ, trong trường hợp CQĐT ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hoặc gia hạn tạm giữ, thì Lệnh này phải có sự phê chuẩn của VKS trước khi thi hành; nếu xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết thì VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ và CQĐT ra quyết định tạm giữ phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Cơ chế này vừa bảo vệ quyền con người, vừa duy trì tính hợp pháp, minh bạch của quá trình tố tụng, thể hiện rõ tính chế ước của VKS trong hoạt động áp dụng, thay đổi BPNC của CQĐT.

Hai là, pháp luật quy định chặt chẽ về thủ tục và thời hạn áp dụng các BPNC, từ việc lập biên bản, thông báo cho người bị áp dụng, gia đình đến các cơ quan liên quan, buộc khi áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố phải minh bạch, đúng trình tự và CQĐT phải chịu sự kiểm sát.

Ba là, VKS đóng vai trò giám sát và phê chuẩn, không chỉ phê chuẩn lệnh, quyết định mà còn kiểm tra hồ sơ, đánh giá tính hợp pháp và hợp lý; nếu phát hiện vi phạm, VKS có quyền yêu cầu hủy bỏ hoặc tự mình hủy bỏ. Cơ chế này vừa bảo vệ quyền con người, vừa duy trì tính hợp pháp, minh bạch của quá trình tố tụng, thể hiện rõ tính chế ước trong hoạt động áp dụng BPNC của CQĐT.

Thứ hai, về hình thức của mối quan hệ, tức là cách thức thực hiện mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố. Do BPNC được áp dụng trong giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng trước khi có quyết định khởi tố vụ án nên những tài liệu, chứng cứ chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội còn rất hạn chế. Mặt khác,

việc áp dụng BPNC sẽ hạn chế một số quyền con người, quyền công dân của người bị buộc tội trong một khoảng thời gian nhất định nên BLTTHS quy định trình tự, thủ tục áp dụng rất chặt chẽ. Cũng chính vì lẽ đó, trên thực tế, hình thức thực hiện mối quan hệ phối hợp này giữa CQĐT và VKS chủ yếu bằng văn bản theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền được quy định rất chặt chẽ về nội dung, hình thức trong BLTTHS; bên cạnh đó có thể thực hiện thông qua việc đối thoại, trao đổi trực tiếp giữa Điều tra viên và Kiểm sát viên, hoặc giữa lãnh đạo hai cơ quan thường được sử dụng để trao đổi thông tin cần thiết, kịp thời, nhưng không đòi hỏi tính pháp lý cao. Ngoài ra, hai cơ quan có thể tổ chức họp, trao đổi, đánh giá chứng cứ tài liệu và thống nhất áp dụng BPNC này trước khi CQĐT thực hiện.

3. Thực tiễn mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

Trên cơ sở nghiên cứu báo cáo tổng kết công tác ngành Công an và Kiểm sát từ 2021 đến năm 2024; kết quả nghiên cứu của một số tác giả cùng việc sử dụng phương pháp trao đổi chuyên gia, phỏng vấn một số Điều tra viên, Kiểm sát viên đang công tác tại Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Nội, Đà Nẵng, Thanh Hóa, Bình Định, Ninh Thuận, An Giang, Sóc Trăng, Bến Tre, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy thực tiễn áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố biểu hiện như sau:

3.1. Kết quả đạt được

Về phía CQĐT, các trường hợp áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC cơ bản tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo luật định, đảm bảo tính có căn cứ, tính hợp pháp của việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC. Cùng với đó, VKS cũng đã phát huy tốt vai trò thực hành quyền công tố, kiểm sát tốt việc khởi tố vụ án hình sự, trong đó có việc thực hành quyền công tố, kiểm sát tính có căn cứ, tính hợp pháp các lệnh, quyết định của CQĐT trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC, đặc biệt với những BPNC cần có sự phê chuẩn của VKS trong giai đoạn khởi

tố trước khi thi hành như: Bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ.

Trong việc thực hiện chế định này, VKS đã khẳng định vai trò kiểm soát quyền lực tư pháp mạnh mẽ, góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân của người bị nghi thực hiện tội phạm. Cụ thể, trường hợp xét thấy không đủ căn cứ hoặc không thực sự cần thiết, VKS đã kịp thời yêu cầu CQĐT hủy bỏ hoặc không tiếp tục áp dụng BPNC, đồng thời trả tự do cho người bị buộc tội. Theo báo cáo tổng kết ngành Kiểm sát nhân dân trong giai đoạn nghiên cứu cho thấy, VKS các cấp đã không phê chuẩn 335 trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, hủy hoặc không phê chuẩn gia hạn tạm giữ đối với hơn 1.493 người, đồng thời trả tự do cho hơn 1.336 người bị tạm giữ⁶. Những con số này là minh chứng rõ ràng cho hiệu quả phối hợp giữa CQĐT và VKS, thể hiện cơ chế kiểm soát quyền lực tư pháp đang phát huy tác dụng, giúp ngăn ngừa việc giam giữ trái pháp luật, giảm thiểu nguy cơ oan sai từ giai đoạn đầu của quá trình tố tụng.

Quan hệ phối hợp - chế ước giữa CQĐT và VKS đã được nâng cao hiệu quả nhờ tiếp tục thực hiện các quy chế phối hợp liên hành và trao đổi hồ sơ, tài liệu kịp thời đặc biệt là Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về phối hợp giữa CQĐT và VKS trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS. Việc này giúp chuẩn hóa quy trình lập hồ sơ, xét và phê chuẩn một số BPNC. Đồng thời, VKS chủ động đánh giá tính cần thiết và căn cứ pháp lý của BPNC, yêu cầu bổ sung hồ sơ khi cần thiết, góp phần kiểm soát quyền lực, hạn chế sai sót và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị áp dụng BPNC.

3.2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, thực tiễn cho thấy vẫn còn một số hạn chế cần nhìn nhận nghiêm túc trong mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố.

⁶ Báo cáo tổng kết công tác các năm 2021, 2022, 2023, 2024 của ngành Kiểm sát nhân dân.

Thứ nhất, còn có trường hợp, mặc dù VKS đã phê chuẩn BPNC, nhưng sau đó buộc phải trả tự do cho người bị áp dụng. Hiện tượng này phản ánh chất lượng hồ sơ, tài liệu đề nghị của CQĐT chưa đảm bảo chặt chẽ và đầy đủ⁷, đồng thời cho thấy ở một số thời điểm, quá trình nghiên cứu, phê chuẩn của VKS chưa thực sự phát huy vai trò, dẫn đến việc áp dụng BPNC đôi khi mang tính hình thức hoặc thiếu thận trọng.

Thứ hai, vẫn còn tình trạng vi phạm về thời hạn phê chuẩn, hồ sơ gửi chậm hoặc thiếu tài liệu kèm theo của CQĐT, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của người bị áp dụng BPNC. Tình trạng này không chỉ làm giảm hiệu quả kiểm sát, mà còn tiềm ẩn nguy cơ vi phạm quyền con người ngay từ giai đoạn đầu tố tụng. Thực tế tại một số địa phương như Bình Định, Ninh Thuận, An Giang, Sóc Trăng, theo báo cáo công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2022, cho thấy nhiều sai sót xảy ra trong việc kiểm sát hoạt động khởi tố và áp dụng BPNC, bao gồm việc lập hồ sơ, đề xuất phê chuẩn và theo dõi thi hành các quyết định của CQĐT.

Nguyên nhân của tình trạng trên, theo tác giả, xuất phát từ hai yếu tố:

Một là, yếu tố pháp lý: Quy định của BLTTHS năm 2015 về BPNC trong giai đoạn khởi tố như giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ còn chưa có thật sự rõ ràng, đồng bộ, dẫn đến việc vận dụng trong thực tiễn còn nhiều khác biệt và chưa thống nhất. Khoản 1 Điều 117 BLTTHS năm 2015 chưa rõ khi nào cần áp dụng BPNC tạm giữ đối với người tự thú, đầu thú, dẫn đến khả năng CQĐT áp dụng tùy tiện với những trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt. Thẩm quyền áp dụng BPNC tạm giữ đang mâu thuẫn giữa khoản 2 Điều 117 và khoản 4 Điều 110 BLTTHS. Trình tự, thủ tục bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp cũng chưa cụ thể, gây cách hiểu khác nhau và thiếu thống nhất trong thực thi. Những bất cập này

làm giảm hiệu quả quản lý và bảo vệ quyền lợi của người bị tạm giữ, cũng như dẫn đến những sai sót, hạn chế của cả CQĐT và VKS trong quá trình phối hợp.

Hai là, yếu tố tổ chức thực hiện: Sự phối hợp giữa Điều tra viên và Kiểm sát viên vẫn tồn tại nhiều bất cập. Không ít Điều tra viên chưa nắm vững hoặc vận dụng không chính xác các căn cứ pháp lý khi đề xuất áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ BPNC. Thêm vào đó, việc gửi lệnh tạm giữ hoặc hồ sơ đề nghị phê chuẩn việc bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ chưa đúng thời hạn, đôi khi chỉ được gửi sau khi hoàn tất hồ sơ khởi tố, làm giảm hiệu quả kiểm sát kịp thời, dẫn đến tính chủ động trong kiểm soát quyền lực bị hạn chế.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

Trong bối cảnh cải cách tư pháp và thay đổi tổ chức bộ máy cơ quan tiến hành tố tụng, để bảo đảm mối quan hệ “phối hợp - chế ước” giữa CQĐT và VKS thực sự hiệu quả, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện cơ sở pháp lý. Cần sửa đổi, bổ sung và ban hành văn bản hợp nhất, văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) nhằm khắc phục khoảng trống pháp luật hiện nay. Cụ thể, cần quy định rõ về thời điểm bắt đầu tính thời hạn tạm giữ trong trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp; quy định rõ ràng về căn cứ gia hạn tạm giữ; trình tự, thủ tục bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Những quy định này không chỉ giúp CQĐT có căn cứ pháp lý thống nhất khi áp dụng BPNC mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho VKS trong việc kiểm sát, tránh tình trạng vận dụng tùy tiện, thiếu đồng bộ.

Thứ hai, nâng cao chất lượng hồ sơ, tài liệu đề nghị áp dụng BPNC. CQĐT cần tăng cường trách nhiệm trong việc lập và chuyển hồ sơ đề nghị phê chuẩn việc áp dụng BPNC, bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý và tài liệu, tránh

⁷ Phạm, H. (2025). *BPNC tạm giữ theo quy định của BLTTHS từ thực tiễn huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre* [Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Kiểm sát].

tình trạng VKS phê chuẩn nhưng sau đó buộc phải trả tự do cho người bị áp dụng. Song song với đó, VKS cần siết chặt quy trình nghiên cứu hồ sơ, phát huy vai trò thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, nâng cao chất lượng quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn.

Thứ ba, tăng cường phối hợp nghiệp vụ giữa CQĐT và VKS. Hai bên cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy chế phối hợp liên ngành hiện nay như Thông tư liên tịch số 04/2018, Thông tư liên tịch số 04/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 27/6/2025 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao quy định về phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động TTHS, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự CQĐT và VKS địa phương cần chủ động xây dựng, ký kết quy chế phù hợp với đặc thù của từng địa phương, bảo đảm tính thống nhất, tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho quá trình giải quyết vụ án hình sự, trong đó có việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC. Hai cơ quan cần thường xuyên sơ kết, tổng kết, trao đổi thông tin, chuyển giao hồ sơ kịp thời, tránh bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội.

Thứ tư, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Cần khai thác hiệu quả hệ thống hồ sơ điện tử, chữ ký số và cổng thông tin tố tụng để CQĐT gửi ngay hồ sơ, tài liệu đề nghị áp dụng hoặc gia hạn áp dụng BPNC đến VKS trong thời hạn luật định. Việc này không chỉ rút ngắn thời gian xử lý mà còn tạo sự minh bạch, dễ dàng kiểm tra, giám sát, đồng thời hạn chế sai sót do yếu tố chủ quan.

Thứ năm, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ. Điều tra viên và Kiểm sát viên phải được bồi dưỡng thường xuyên về kỹ năng áp dụng BPNC, thực hành quyền công tố, kiểm sát việc áp dụng BPNC; cập nhật những điểm mới trong BLTTHS năm 2025 và các văn bản hướng dẫn. Đặc biệt, cần chú trọng đào tạo kỹ năng nhận diện tình huống khẩn cấp, kỹ năng phân tích tài liệu, chứng cứ và đánh giá tính cần thiết của việc áp dụng BPNC để hạn chế lạm dụng, bảo đảm tối đa quyền con người.

Kết luận

Mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự là một bộ phận cấu thành quan trọng của cơ chế kiểm soát quyền lực trong TTHS Việt Nam. Mối quan hệ này được thiết lập trên cơ sở phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, đồng thời phản ánh yêu cầu kết hợp hài hòa giữa hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Thực tiễn cho thấy, thông qua cơ chế phối hợp gắn với chế ước, CQĐT và VKS đã từng bước bảo đảm tính có căn cứ, tính hợp pháp và tính cần thiết của việc áp dụng các BPNC ngay từ giai đoạn khởi tố, góp phần hạn chế oan, sai và phòng ngừa vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, những bất cập của pháp luật và những hạn chế trong tổ chức thực hiện vẫn đang đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế pháp lý và nâng cao chất lượng vận hành mối quan hệ này. Trong bối cảnh cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc củng cố và phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa hai cơ quan trong áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC trong giai đoạn khởi tố không chỉ có ý nghĩa đối với việc nâng cao chất lượng giải quyết vụ án hình sự, mà còn góp phần hiện thực hóa các nguyên tắc bảo vệ quyền con người và bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động tư pháp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào, D. A. (1992). *Hán Việt từ điển*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
2. Trường Đại học Kiểm sát (2016). *Giáo trình Luật TTHS*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật.
3. Nguyễn, V. Đ. (2015). *Mối quan hệ giữa VKS và CQĐT trong tố tụng hình sự Việt Nam* [Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội].
4. Bùi, T. H. (2024). Hoàn thiện chính sách pháp luật TTHS về BPNC, biện pháp cưỡng chế trong nền tư pháp công bằng, nghiêm minh. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc phục vụ nhân dân trong bối cảnh hiện nay* (Tập 1).
5. Trần, T. T. H. (2019). *Mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An* [Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội].
6. Viện Ngôn ngữ học (2000). *Từ điển Tiếng Việt*. Nhà xuất bản Đà Nẵng.